

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày: 18-3-2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Thanh Dung.
2. Ông Ngô Ánh Khôi.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Hôm nay, ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Núi Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2022/TLST-DS ngày 10/10/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST - DS ngày 30 tháng 01 năm 2024, thông báo hoãn phiên **tòa số: 01/2024/TB-TA** ngày 16/02/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm: 1968, địa chỉ: Thôn Tr, xã M, huyện N, tỉnh Q.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà H: Bà Phạm Thị Thủy L, sinh năm: 2000, địa chỉ: 01 A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Q.

- Bị đơn: Ông Lê Bá C, sinh năm: 1968 và bà Hồ Thị H, sinh năm: 1972, địa chỉ: Thôn Tr, xã M, huyện N, tỉnh Q.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Phan Thị H: Bà Trương Thị Thu B, sinh năm: 1996, địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Nam

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị H và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Thủy L trình bày:

Vào ngày 02/01/2020, bà Phan Thị H có cho bà Hồ Thị H và ông Lê Bá C

vay số tiền 100.000.000 đồng. Đến ngày 08/5/2020, bà H tiếp tục cho bà Hồ Thị H và ông C vay thêm số tiền 100.000.000 đồng. Bà Hồ Thị H và ông C có viết giấy vay tiền và hẹn sẽ trả vào ngày 13/01/2021. Đến ngày hẹn, bà H nhiều lần yêu cầu nhưng bà Hồ Thị H và ông C không trả như thoả thuận. Do vậy bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị H và ông C có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh từ ngày 14/01/2021 đến ngày 17/8/2022 là 31.820.665 đồng (10%/ năm). Tại phiên tòa, bà H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Thị H, ông C trả cho bà số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng theo giấy ghi nợ ngày 08/12/2019 âm lịch tức ngày 02/01/2020 dương lịch, cá nhân bà Huệ có trách nhiệm trả cho bà số nợ gốc 100.000.000 đồng theo giấy ghi nợ ngày 16/4/2020 âm lịch tức ngày 08/5/2020 dương lịch. Bà H rút lại phần yêu cầu tính lãi đối với các số nợ gốc này. Ngoài ra bà H không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Hồ Thị H trình bày: Bà Hồ Thị H có viết giấy vay nợ bà H số tiền 100.000.000 đồng theo giấy ghi nợ ngày 08/12/2019 âm lịch tức ngày 02/01/2020 dương lịch. Tiếp theo, ngày 16/4/2020 âm lịch tức ngày 08/5/2020 dương lịch bà Hồ Thị H có mượn của bà H số tiền 100.000.000 đồng có ghi giấy. Tuy nhiên toàn bộ số tiền nợ của hai lần vay mượn có ghi giấy này đã được bà Hồ Thị H trả góp hết cho bà H. Do vậy bà Hồ Thị H không còn nợ nần gì bà H, nên bà Hồ Thị H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Việc trả tiền cho bà H không có giấy tờ gì thể hiện. Ngoài ra, bà Hồ Thị H có đưa giấy vay tiền ghi ngày 08/12/2019 âm lịch cho chồng bà là ông Lê Bá C có tên gọi khác Lê Bá T ký vào nhưng khi ký bà không nói với ông C đây là giấy vay nợ, ông C cũng không đọc nội dung giấy. Do vậy, ông C không có liên quan gì đến các khoản vay của bà Hồ Thị H với bà H. Hiện nay bà Hồ Thị H chỉ còn nợ bà H số tiền 30.000.000 đồng (nhưng thực nhận chỉ 25.000.000 đồng) không có giấy tờ gì, không liên quan đến hai khoản vay nói trên.

Bị đơn ông Lê Bá C trình bày: Ông thống nhất có ký giấy vay tiền ngày 08/12/2019 âm lịch tức ngày 02/01/2020 dương lịch như bà Hồ Thị H trình bày. Tuy nhiên ông không đọc nội dung cũng không biết gì về nội dung vay mượn của bà Huệ đối với bà H, ông không liên quan gì đến việc vay mượn này nên không đồng ý với yêu cầu của bà H. Ông tên gọi Lê Bá C, nhưng thường gọi tại địa phương là Lê Bá T, tuy nhiên không có khai trong lý lịch nên chính quyền địa phương không nắm được tên gọi khác của ông.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 463, Điều 466 BLDS và Điều 244 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc bà Hồ Thị H và ông Lê Bá C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thị H số tiền gốc 100.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 08/12/2019 âm lịch; Buộc bà Hồ Thị H

có trách nhiệm trả riêng cho bà Phan Thị H số tiền gốc 100.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 16/4/2020 âm lịch; đình chỉ phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị H, ông C phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện và các chứng cứ theo quy định, khởi kiện bà Hồ Thị H, ông Lê Bá C cùng địa chỉ: Thôn Tr, xã M, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam yêu cầu trả tiền vay và lãi. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 27, Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên toà các đương sự thừa nhận ông Lê Bá C còn có tên gọi khác là Lê Bá T, là người ký vào bên vay trong giấy ghi nợ ngày 08/12/2019 âm lịch cùng với bà Hồ Thị H, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

[2.2] Bà Hồ Thị H thừa nhận có quan hệ vay tiền với bà H theo hai giấy vay tiền viết tay bà H đã cung cấp cho Tòa án và đã được công khai chứng cứ, cụ thể như sau: Theo giấy nợ ghi ngày 08/12/2009 âm lịch, số tiền 100.000.000 đồng, người mượn là bà Hồ Thị H và chồng là ông Lê Bá C ký tên Lê Bá T. Ngoài ra, ngày 16/4/2020 âm lịch, bà Hồ Thị H lại tiếp tục ghi giấy vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng, ông C không tham gia ký tên trong giấy vay tiền này. Đây là nội dung các đương sự thừa nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

[2.3] Tại bản tự khai không đề ngày năm 2024 và tại phiên toà bà Hồ Thị H khai: Bà Hồ Thị H có mượn bà H 100.000.000 đồng nhưng đã trả toàn bộ bằng phương thức góp mỗi ngày 1.000.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi cho đến khi hết nợ. Khi hết khoản tiền nợ này bà mới tiếp tục mượn bà H 100.000.000 đồng và cũng đã trả hết. Hiện tại, bà Hồ Thị H có nợ bà H số tiền 31.000.000 đồng nhưng không thuộc phạm vi hai giấy mượn nợ bà H khởi kiện trong vụ án này. Tuy nhiên lời khai về việc đã trả nợ cho bà H của bà Hồ Thị H không được bà H thừa nhận, bà Hồ Thị H cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét chấp nhận lời khai của bà Hồ Thị H.

[2.4] Cũng tại lời khai không đề ngày năm 2024 và tại phiên toà, bà Hồ Thị H và ông C cùng thừa nhận ông Lê Bá C, tên gọi khác là Lê Bá T có ký tên ghi họ tên tại giấy mượn tiền ngày 08/12/2019 âm lịch; tuy nhiên theo bà Hồ Thị H và ông C thì ông C không biết gì về khoản nợ vay này, đây là nợ của cá nhân bà Hồ Thị H

với bà H. Xét thấy, ông C ký vào giấy vay tiền là coi như đã chấp nhận đây là nợ chung của vợ chồng, cần buộc ông C có trách nhiệm liên đới cùng bà Hồ Thị H trả cho bà H khoản nợ vay 100.000.000 đồng theo giấy ghi ngày 08/12/2019 âm lịch. Đối với khoản vay theo giấy ghi ngày 16/4/2020 âm lịch ông C không biết, bà Hồ Thị H cũng thừa nhận là khoản vay riêng, không dùng cho sinh hoạt gia đình, bà H không có chứng cứ chứng minh đây là nợ chung của vợ chồng bà Hồ Thị H, ông C nên không có cơ sở buộc ông C liên đới cùng bà Hồ Thị H trả cho bà H.

[2.5] Quan hệ vay tiền giữa bà H và bà Hồ Thị H, ông C là có thật, có lập thành văn bản được các bên thừa nhận. Tại phiên toà, các đương sự thừa nhận không có thoả thuận về thời hạn trả nợ. Đối với giấy ghi nợ ngày 08/12/2019 âm lịch dòng chữ hẹn ngày trả ngày 01/12/2020 là do bà H tự viết vào, bà Hồ Thị H không thừa nhận. Do các bên không thoả thuận về thời hạn trả nợ nên nghĩa vụ trả nợ phát sinh tại thời điểm bà H yêu cầu bà Hồ Thị H trả nợ. Theo lời khai tại phiên toà, bà H nhiều lần yêu cầu bà Hồ Thị H trả nợ nhưng bà Hồ Thị H không trả thì bà H mới làm đơn khởi kiện, tính đến ngày khởi kiện 28/7/2023 cũng đủ thời gian hợp lý theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 để bà Hồ Thị H, ông C thu xếp trả nợ. Cả hai hợp đồng vay đều không thể hiện thoả thuận tính lãi. Như vậy, việc bà Hồ Thị H, ông C không trả tiền cho bà H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do vậy, cần buộc bà Hồ Thị H, ông C có trách nhiệm trả các khoản nợ cho bà H theo quy định.

[3] Tại phiên toà nguyên đơn tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu tính lãi đối với bị đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn là phù hợp với quy định Điều 244 BLTTDS.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị H, ông C phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bà Hồ Thị H, ông Lê Bá C (Lê Bá T).

Buộc bà Hồ Thị H và ông Lê Bá C (Lê Bá T) liên đới trả cho bà Phan Thị H số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo giấy ghi nợ ngày 08/12/2019 âm lịch.

Buộc bà Hồ Thị H trả cho bà Phan Thị H số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo giấy ghi ngày 16/4/2020 âm lịch.

2/ Đình chỉ phân yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) của bà Phan Thị H đối với bà Hồ Thị H và ông Lê Bá C (Lê Bá T).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm bà Hồ Thị H, ông Lê Bá C (Lê Bá T) phải cùng chịu án phí sơ thẩm 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Cá nhân bà Hồ Thị H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Hoàn lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm ngàn đồng) theo biên lai thu 0011286 ngày 04/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- THA huyện Núi Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Thuỳ